

Bản án số: 281/2018/HS-PT

Ngày: 14-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lượng

Bà Võ Thị Thanh Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài - Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 172/2018/TLPT-HS ngày 09 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo Trần Anh D do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 44/2018/HS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P

- Bị cáo có kháng cáo: **Trần Anh D**, sinh năm: 1959 tại tỉnh Long An; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: ấp K1, xã L1, huyện P1, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở: tổ 3, khu phố 3, thị trấn P1, huyện P1, tỉnh Đồng Nai; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp, chức vụ khi khởi tố: Chấp hành viên, Chi cục trưởng Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đã bị khai trừ khỏi Đảng theo Quyết định số 155/QĐ-HU ngày 25 tháng 8 năm 2016 của Ban thường vụ huyện ủy P, tỉnh Đồng Nai; Con ông: Trần Văn R (Đã chết năm 2008) và bà Lê Thị A, sinh năm: 1940; Họ tên vợ: Hoàng Thị Mộng T, sinh năm: 1963; Bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm: 1983, nhỏ nhất sinh năm: 2006; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 10/VKSTC-C1(P5) ngày 13/6/2016 của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao. (Vắng mặt)

- Bị cáo không có kháng cáo: **Đào Huy C**, sinh năm: 1979 tại tỉnh Thái Bình; Chứng minh nhân dân số: 272536730 cấp ngày 07/4/2012; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: tổ 15B, khu phố 4, phường L2, thành phố P2, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở hiện nay: tổ 15B, khu phố 4, phường L2, TP. P2, tỉnh Đồng Nai; Trình độ văn hoá: 12/12; Trình độ chuyên môn: Trung cấp kế toán, Cử nhân luật; Nghề nghiệp, chức vụ khi khởi tố: Kế toán trưởng Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo quyết định đình chỉ số: 221-QĐ/UBKTTU ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy Đồng Nai; Con ông: Đào Mạnh S (1950) và bà Trần Thị M (1955); Họ tên vợ: Bùi Thị Hoà, sinh năm: 1982; Bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm: 2002, con nhỏ sinh năm: 2006; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số 11/VKSTC-C1(P5) ngày 13/6/2016 của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Anh D là chấp hành viên giữ chức vụ Chi cục trưởng Chi cục thi hành án huyện P, Đào Huy C là kế toán trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Đồng Nai. Trong thời gian từ năm 2008 đến năm 2014, đã thực hiện các hành vi gây ra các hậu quả sau:

1. Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành án vụ án Nguyễn Q:

Ngày 06/11/2013, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Đồng Nai có Cáo trạng truy tố Nguyễn Q về tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước gây hậu quả nghiêm trọng” và chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân huyện P để xét xử sơ thẩm, đồng thời chuyển số tiền tạm giữ 361.802.462 đồng (Ba trăm sáu mươi một triệu tám trăm lẻ hai ngàn bốn trăm sáu mươi hai đồng) của vụ án tại Ngân hàng phát triển nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long – Chi nhánh huyện P đến cơ quan thi hành án dân sự huyện P. Cùng ngày 06/11/2013, Trần Anh D đã chỉ đạo Đào Huy C và Nguyễn Sỹ Nam (Thủ quỹ thi hành án) rút số tiền 361.802.462 đồng (Ba trăm sáu mươi một triệu tám trăm lẻ hai ngàn bốn trăm sáu mươi hai đồng) trong vụ án Nguyễn Q từ Ngân hàng phát triển nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long – Chi nhánh huyện P để nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc nhà nước huyện P.

Ngay sau khi vụ án xét xử có hiệu lực pháp luật, căn cứ bản án, ngày 04/4/2014, Chi cục thi hành án dân sự huyện P đã ra các Quyết định thi hành án

dân sự số 441/QĐ và số 442/QĐ; phân công Trần Anh D - Chấp hành viên trực tiếp thụ lý thi hành án trả cho ông Nguyễn Q số tiền là 110.611.850 đồng (Một trăm mười triệu sáu trăm mười một ngàn tám trăm năm mươi đồng) và tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 227.680.000 đồng (Hai trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng). Trên thực tế Trần Anh D và Đào Huy C không thực hiện theo nội dung các Quyết định nêu trên vì số tiền 361.802.462 đồng (Ba trăm sáu mươi một triệu tám trăm lẻ hai ngàn bốn trăm sáu hai đồng) của vụ án Nguyễn Q không còn trong tài khoản tạm giữ của Thi hành án tại kho bạc nữa mà đã được Trần Anh D, Đào Huy C làm thủ tục chuyển chi sung công cho 15 Quyết định thi hành án chủ động từ tháng 10/2013 (bút lục số 1636 đến bút lục số 1666). Cụ thể: Các Quyết định thi hành án số 30/QĐ, 35/QĐ, 36/QĐ, 37/QĐ, 42/QĐ, 45/QĐ ngày 04/10/2013 với tổng số tiền 8.945.000 đồng (Tám triệu chín trăm bốn mươi lăm ngàn); Quyết định thi hành án số 69/QĐ ngày 10/10/2013 số tiền 291.125.000 đồng (Hai trăm chín mươi một triệu một trăm hai lăm ngàn); Các Quyết định thi hành án số 72/QĐ, 76/QĐ, 78/QĐ, 80/QĐ, 85/QĐ ngày 14/10/2013 với tổng số tiền 6.125.000 đồng (Sáu triệu một trăm hai lăm ngàn); Các Quyết định thi hành án số 03/QĐ, 09/QĐ, 16/QĐ ngày 04/10/2013 với tổng số tiền 12.574.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm bảy mươi tư ngàn). Số tiền thi hành án chủ động của các Quyết định nêu trên đã được Trần Anh D, Đào Huy C sử dụng vào trả cho các khoản chi tiêu trước đó. Đến ngày 26/04/2014, hồ sơ thi hành án khoản tiền sung công quỹ Nhà nước 227.680.000 đồng (Hai trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng) theo quyết định thi hành án số 442 ngày 04/4/2014 đã được D và C đưa vào nộp lưu tại kho lưu trữ (xem như đã giải quyết xong).

Sau ngày 01/10/2014, Đào Huy C bàn giao chức danh Kế toán trưởng cho chị Nguyễn Thị Mỹ H. Ngày 17/10/2014 thủ quỹ chi trả cho ông Nguyễn Q 118.838.445 đồng (Một trăm mười tám triệu tám trăm ba mươi tám ngàn bốn trăm bốn lăm đồng) (gốc và lãi); tháng 02/2015, chị Nguyễn Thị Mỹ H phát hiện số tiền 227.680.000 đồng (Hai trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng) chưa sung công quỹ Nhà nước nên đã vào kho lưu trữ tìm hồ sơ thì phát hiện trong hồ sơ thi hành án có giấy nộp tiền kèm bảng kê, giấy nộp tiền có dấu hiệu cắt dán phôi tờ (tài liệu này quá trình điều tra không thu giữ được), H đã có ý kiến trong cuộc họp của cơ quan và yêu cầu làm rõ khoản tiền này.

Ngày 09/11/2015, Viện kiểm sát nhân dân huyện P kết luận kiểm sát trực tiếp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện đã phát hiện số tiền 227.680.000 đồng (Hai trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng) của vụ Nguyễn Q chưa được sung công quỹ Nhà nước, Viện kiểm sát nhân dân huyện kiến nghị và chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền xử lý và cho rằng hành vi trên có dấu hiệu của tội tham

ô tài sản. Thực hiện kiến nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, ngày 24/11/2015 Đào Huy C, Nguyễn Sỹ N, Nông Thị Hồng B đã nộp 242.963.981 đồng (Hai trăm bốn hai triệu chín trăm sáu ba ngàn chín trăm tám một đồng) vào tài khoản Kho bạc nhà nước huyện P để tịch thu, sung công số tiền gốc và lãi phát sinh vụ ông Nguyễn Q là 242.963.981 đồng.

Ngày 27/11/2015, Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã tiếp nhận thông tin, ghi lời khai các bị cáo Trần Anh D, Đào Huy C và các đối tượng liên quan để làm rõ nội dung trên và đã xác định được không phải Trần Anh D và Đào Huy C lập không chứng từ để chiếm đoạt số tiền thi hành án của vụ Nguyễn Q mà chỉ vì vụ lợi chức vụ, quyền hạn để lấy khoản tiền này chi trả cho các khoản thi hành án chủ động trước đó đã bị các bị cáo sử dụng trước như: vay, tạm ứng và chi vào mục đích khác.

Trong vụ việc này trách nhiệm chính thuộc về Trần Anh D, Chấp hành viên, Chi cục trưởng và Đào Huy C là Kế toán trưởng liên đới chịu trách nhiệm. Việc làm trên của Trần Anh D, Đào Huy C và các đối tượng liên quan đã dẫn đến việc chậm hoàn trả tiền cho người được thi hành án là ông Nguyễn Q với số tiền 110.611.850 đồng (Một trăm mười triệu sáu trăm mười một ngàn tám trăm năm mươi đồng); chậm nộp ngân sách Nhà nước là 227.680.000 đồng (Hai trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng). Hành vi của Trần Anh D và Đào Huy C đã vi phạm quy định tại khoản 7 Điều 9 ; Điều 11 và Điều 12 của Thông tư số 91/TT- BTC ngày 17/6/2010 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn kế toán nghiệp vụ THA, vi phạm Điều 10 và Điều 11 của Thông tư số 22/2011/TT-BTP của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số thủ tục trong quản lý hành chính về thi hành án dân sự.

2. Về khoản tiền 239.663.777 đồng (Hai trăm ba mươi chín triệu sáu trăm sáu ba ngàn bảy trăm bảy bảy đồng): theo Kết luận số 709 ngày 30/6/2016 của Đoàn kiểm tra Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai mà Chi cục Thi hành án dân sự huyện P còn huy quỹ sau khi đã cho các bị cáo và đối tượng có liên quan nộp chứng từ, khắc phục. Quá trình điều tra xác định:

Từ năm 2006 đến 30/9/2014, Trần Anh D đã có hành vi lợi dụng là Chấp hành viên, Chi cục trưởng Chi cục thi hành án dân sự huyện P, Thủ trưởng cơ quan, chủ tài khoản cơ quan, là người quản lý điều hành hoạt động tài chính của cơ quan để ứng mượn thủ quỹ số tiền 422.978.000 đồng (Bốn trăm hai hai triệu chín trăm bảy tám ngàn) là tiền thi hành án dân sự sử dụng cho cá nhân mà không thông qua Kế toán. Trần Anh D duyệt bội chi kinh phí cơ quan 355.248.820 đồng (Ba trăm năm mươi hai triệu hai trăm bốn tám ngàn tám trăm hai mươi đồng) và D đã trực tiếp và chỉ đạo kế toán Đào Huy C lấy từ khoản tạm thu thi hành án để chi bù cho khoản bội

chi trên. Việc làm trên của Trần Anh D đã dẫn đến việc không có tiền để chi trả và sung công cho các quyết định thi hành án có hiệu lực thi hành nên Trần Anh D chỉ đạo lấy tiền tạm ứng án phí và tạm thu từ vụ án thu sau để chi trả cho các vụ án có hiệu lực pháp luật và có quyết định thi hành án. Kết luận số 709 đã buộc D phải khắc phục 02 khoản chi sai nguyên tắc Kế toán - Tài chính là 244.163.777 đồng (Trần Anh D mới nộp khắc phục số tiền 4.500.000 đồng).

Đào Huy C được bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện P từ 01/6/2011 đến 30/9/2014, với trách nhiệm tham mưu, theo dõi quản lý tài chính thu, chi tiền thi hành án dân sự của Chi cục cũng như giám sát thực hiện chi tiêu đảm bảo đúng nguyên tắc kế toán của Chủ tài khoản nhưng đã không làm đúng vai trò của Kế toán trưởng để yêu cầu Trần Anh D thực hiện đúng nguyên tắc tài chính kế toán, từ năm 2011 đến 30/9/2014 việc theo dõi kiểm tra giám sát các khoản tiền thu, chi thi hành án không đúng quy định theo quyết định số 09/QĐ-BTP ngày 08/10/2007 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn về chế độ kế toán nghiệp vụ thi hành án dân sự, không theo dõi các khoản tiền tồn đến kỳ phải nộp và chi theo quy định làm ảnh hưởng đến hoạt động thu, chi thi hành án của Chi cục thi hành án dân sự huyện. Khi xác định quỹ thi hành án không còn tiền thu, chi C không báo cáo cho cấp trên để chỉ đạo xử lý kịp thời, không thực hiện đúng theo nguyên tắc kế toán tài chính quy định tại Điểm 1.2, 1.4 Điều 2, Khoản 3 Điều 6 của Thông tư 91/TT-BTC ngày 17/6/2010 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán nghiệp vụ thi hành án. Hậu quả là hiện nay còn 32 Quyết định Thi hành án của Chi cục thi hành án dân sự huyện P (được lập 46 phiếu thu trước 30/9/2014) với tổng số tiền là 191.628.992 đồng nhưng không còn tiền chi trả cho đương sự và tịch thu sung công Nhà nước. Cụ thể:

1. Quyết định thi hành án số 41/QĐ ngày 14/10/2015 trả cho Nguyễn Thị Hương số tiền 2.312.000 đồng;
2. Quyết định thi hành án số 49/QĐ ngày 29/10/2015 hoàn trả Ngân hàng TMCP ngoại thương VN Chi nhánh Đồng Nai số tiền là 3.619.500 đồng;
3. Quyết định thi hành án số 68/QĐ ngày 11/11/2015 hoàn trả ông Vũ Gia K số tiền là 3.125.000 đồng;
4. Quyết định thi hành án số 82/QĐ ngày 17/11/2015 tịch thu sung công số tiền là 9.727.000 đồng;
5. Quyết định thi hành án số 98/QĐ ngày 18/12/015 hoàn trả ông Hoàng Quảng T số tiền là 3.750.000 đồng;
6. Quyết định thi hành án số 132/QĐ ngày 18/01/016 chuyển nộp NSNN số tiền là 400.000 đồng;

7. Quyết định thi hành án số 133/QĐ ngày 18/01/016 hoàn trả cho bà Trần Thị Ánh H số tiền là 28.975.000 đồng;
8. Quyết định thi hành án số 134/QĐ ngày 18/01/016 hoàn trả cho ông Nguyễn Trọng C số tiền là 350.000 đồng;
9. Quyết định thi hành án số 178/QĐ ngày 18/01/016 hoàn trả bà Lê Thị B số tiền là 14.250.000 đồng;
10. Quyết định thi hành án số 191/QĐ ngày 18/01/016 hoàn trả cho Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam số tiền là 56.385.492 đồng;
11. Quyết định thi hành án số 205/QĐ ngày 24/02/016 hoàn trả cho Lầu Văn T số tiền là 4.892.500 đồng;
12. Quyết định thi hành án số 223/QĐ ngày 02/3/2016 hoàn trả cho Nguyễn THanh L số tiền là 850.000 đồng;
13. Quyết định thi hành án số 308/QĐ ngày 21/4/2016 nộp ngân sách nhà nước số tiền là 180.000 đồng;
14. Quyết định thi hành án số 398/QĐ ngày 17/6/2016 nộp ngân sách nhà nước số tiền là 1.500.000 đồng;
15. Quyết định thi hành án số 400/QĐ ngày 17/7/2016 nộp ngân sách nhà nước số tiền là 600.000 đồng;
16. Quyết định thi hành án số 401/QĐ ngày 17/6/2016 tịch thu sung công số tiền là 200.000 đồng;
17. Quyết định thi hành án số 402/QĐ ngày 17/6/2016 nộp ngân sách nhà nước số tiền là 425.000 đồng;
18. Quyết định thi hành án số 490/QĐ ngày 04/8/2016 hoàn trả cho Hoàng Thị Minh L số tiền là 12.000.000 đồng.
19. Quyết định thi hành án số 20/QĐ ngày 12/10/2016 hoàn trả cho ông Bùi Thiện D số tiền là 18.950.000 đồng.
20. Quyết định thi hành án số 18/QĐ ngày 12/10/2016 hoàn trả cho ông Bùi Văn H và bà Nguyễn Thị Kim L số tiền là 375.000 đồng.
21. Quyết định thi hành án số 222/QĐ ngày 12/10/1016 hoàn trả cho o6ngng Đình Văn T số tiền là 4.581.500 đồng và sung công số tiền là 2.918.500 đồng.
22. Quyết định thi hành án số 137/QĐ ngày 23/11/2016 hoàn trả cho bà Phạm Thị Kim N số tiền là 3.725.000 đồng.
23. Quyết định thi hành án số 269/QĐ ngày 01/03/2017 hoàn trả cho Vũ Văn P số tiền là 200.000 đồng.

24. Quyết định thi hành án số 289/QĐ ngày 16/03/2017 hoàn trả cho bà Hoàng Ngọc T số tiền là 3.500.000 đồng.

25. Quyết định thi hành án số 408/QĐ ngày 09/5/2017 hoàn trả cho Đỗ Thị Kim L số tiền là 6.055.000 đồng.

26. Quyết định thi hành án số 424/QĐ ngày 09/5/2017 hoàn trả cho Đỗ Thị Kim L số tiền là 100.000 đồng.

27. Quyết định thi hành án số 432/QĐ ngày 09/5/2017 hoàn trả cho Đỗ Thị Kim L số tiền là 100.000 đồng.

28. Quyết định thi hành án số 434/QĐ ngày 09/5/2017 hoàn trả cho Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị H số tiền là 3.390.000 đồng.

29. Quyết định thi hành án số 526/QĐ ngày 21/7/2017 hoàn trả cho Nguyễn H số tiền là 405.000 đồng.

30. Quyết định thi hành án số 527/QĐ ngày 21/7/2017 hoàn trả cho Trần Ngọc T số tiền là 337.500 đồng.

31. Quyết định thi hành án số 06/QĐ ngày 10/10/2017 hoàn trả cho Lê Văn P số tiền là 1.600.000 đồng.

32. Quyết định thi hành án số 07/QĐ ngày 10/10/2017 hoàn trả cho Đỗ Văn C số tiền là 1.850.000 đồng.

Vụ việc này trách nhiệm chính thuộc về Trần Anh D, Chấp hành viên, Chi cục trưởng. Người có vai trò đồng phạm tích cực là Đào Huy C Kế toán trưởng. Hành vi trên của Trần Anh D và Đào Huy C đã gây thiệt hại tổng số 191.628.992 đồng (Trong đó sung công là 15.757.000 đồng và hoàn trả 175.871.992 đồng), vi phạm quy định tại khoản 7 Điều 9, Điều 11 và Điều 12 của Thông tư số 91/TT-BTC ngày 17/6/2010 của Bộ Tài Chính, vi phạm Điều 10 và Điều 11 của Thông tư số 22/2011/TT-BTP của Bộ Tư pháp.

* *Việc khắc phục hậu quả*: Chi cục thi hành án dân sự huyện P yêu cầu các bị cáo Trần Anh D và Đào Huy C liên đới bồi thường cho Chi cục thi hành án dân sự huyện P tổng số tiền là 191.628.992 đồng. Vào các ngày 12/02/2017, 13/02/2017, bị cáo Đào Huy C đã tự nguyện giao nộp cho Chi cục thi hành án dân sự huyện P số tiền 50.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Số tiền còn lại 141.628.992 đồng các bị cáo Trần Anh D và Đào Huy C chưa bồi thường.

Quá trình điều tra, Trần Anh D và Đào Huy C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên (bút lục số: 284-289, 290-299, 300-328, 331-334, 353-364, 614-615, 647-649, 670-693, 2329-2338, 2347-2348, 2362-2363, 2385-2386, 2403-2404, 2407-2408, 2413-2416, 2424-2429, 2460-2461).

Đối với Nông Thị Hồng B và Nguyễn Sỹ N với vai trò là thủ quỹ quản lý tiền thu, chi thi hành án đã không thực hiện theo quy định tại thông tư 06/TT- BTP ngày 05/7/2007 và thông tư số 22/TT-BTP ngày 02/12/2011 của Bộ pháp về thủ tục quản lý hành chính, không rà soát quản lý chặt chẽ các khoản tiền thu, chi thi hành án, trong việc quản lý tiền quỹ thi hành án chi sai nguyên tắc để thất thoát quỹ, làm ảnh hưởng đến hoạt động thu, chi thi hành án của đơn vị, chi khi chưa có đầy đủ chữ ký của Thủ trưởng đơn vị và Kế toán trưởng của đơn vị, chi tiền thi hành án cho việc của cơ quan. Tất cả các khoản tiền mặt đều nhập chung vào quỹ cơ quan do thủ quỹ quản lý bao gồm: Tiền tạm ứng án phí, tạm thu, tiền thi hành án, tiền án phí sung công, phí thi hành án và tiền ngân sách cấp, nhưng không có danh sách nên không phân biệt được mỗi nguồn là bao nhiêu, khi có yêu cầu chi thi thủ quỹ chi mà không phân biệt được là nguồn của ngân sách hay của thi hành án. Theo Kết luận số 709, Bích đã sử dụng 45.289.879 đồng tiền thi hành án để chi cho việc cơ quan, đã cho Trần Anh D ứng mượn 20 lần với tổng số tiền là 219.239.000 đồng từ nguồn tiền thi hành án để chi tiêu cho việc của cá nhân, nhưng đã được D và Bích khắc phục. Theo Kết luận số 709 trong giai đoạn Nguyễn Sỹ N phụ trách thủ quỹ thi hành án thì khoản tiền hụt quỹ do việc sử dụng tiền thi hành án chi cho việc cơ quan là 219.163.777 đồng, Nam còn cho Trần Anh D ứng mượn 203.739.000 đồng từ nguồn tiền thi hành án để chi tiêu cho cá nhân nhưng đã được D và Nam khắc phục.

Đối với hành vi thực hiện không đúng nguyên tắc quản lý tài chính dẫn đến hậu quả đã nêu trên của chị Nông Thị Hồng B và anh Nguyễn Sỹ N là do không được đào tạo lớp quản lý tài chính và chỉ làm theo cảm tính; là cấp dưới nên cả nể, chấp hành theo ý kiến chỉ đạo của Thủ trưởng và Kế toán trưởng. Sau khi có kết luận của Cục thi hành án đã nộp khắc phục xong. Xét tính chất mức độ sai phạm không đến mức phải xử lý về mặt hình sự nên đã xử lý về mặt đảng và chính quyền (về mặt Đảng: Khai trừ khỏi Đảng; về mặt chính quyền: Cảnh cáo).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 44/2018/HSST ngày 28/6/2018 của TAND huyện P đã áp dụng điểm b khoản 2 Điều 281 BLHS 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58 BLHS 2015 xử phạt: bị cáo Trần Anh D 03 (ba) năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành.

Ngoài ra án sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Đào Huy C (với vai trò đồng phạm) 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 02/7/2018, bị cáo Trần Anh D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và

xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo C tranh luận cho rằng hành vi của mình bị xử lý là đúng, đã quản lý không sát, tham mưu không tốt để thủ trưởng vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, khi thực hiện nhiệm vụ, bị cáo có yêu cầu đương sự (hoặc chấp hành viên) trong vụ án cung cấp số tài khoản để bị cáo chuyển tiền cho họ nhưng họ (hoặc chấp hành viên) không cung cấp. Do đó đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo. Tại tòa quan điểm của đại diện VKS cho rằng bị cáo lấy tiền thi hành án chi cho hoạt động của cơ quan, việc này do bị cáo D trực tiếp chỉ đạo cho thủ quỹ, bị cáo không biết.

Đại diện VKSND tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa nêu quan điểm:

Về tố tụng: bị cáo Trần Anh D đã được triệu tập đến tòa nhưng vẫn vắng mặt nhiều lần (ba lần) đều không có lý do chính đáng, nên HĐXX xử vắng mặt bị cáo D là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo đều là những người có chức vụ quyền hạn, đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao để gây thiệt hại cho lợi ích nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân trong một thời gian dài nên cần được xử lý nghiêm trước pháp luật. Cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo D 03 năm tù giam là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Trong giai đoạn phúc thẩm bị cáo D và gia đình đã nộp khắc phục số tiền 95.814.496 đồng (Chín mươi lăm triệu, tám trăm mười bốn nghìn, bốn trăm chín mươi sáu đồng). Trong vụ án này, còn có bị cáo Đào Huy C là kế toán trưởng (cũng là người có chức vụ) nhưng cấp sơ thẩm lại xử phạt bị cáo C 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là vi phạm, không đúng quy định pháp luật. Do đó đề nghị hủy án sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục chung (không đặt ra xem xét kháng cáo của bị cáo D).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/7/2018 bị cáo Trần Anh D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Ngày 07/9/2018 TAND tỉnh Đồng Nai có Quyết định xét xử số 169/2018/QĐXXPT-HS ấn định thời gian mở phiên tòa vào ngày 26/9/2018 nhưng trước khi mở phiên tòa, bà Hoàng Thị Mộng T (vợ bị cáo D) có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do bị cáo D đang cấp cứu tại bệnh viện, không thể đến tham gia phiên tòa. TAND tỉnh Đồng Nai có Quyết định hoãn phiên tòa (lần1) và ấn định ngày mở lại phiên tòa là 26/10/2018 (Quyết định số

100/2018/HSPT-QĐ ngày 26/9/2018). Ngày 26/10/2018, ông Hoàng Minh Đ (em vợ của bị cáo D) tiếp tục có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do: bị cáo D đang điều trị bệnh và HĐXX quyết định hoãn phiên tòa (lần hai) và ấn định ngày mở lại là 14/11/2018 (Quyết định số 109/2018/HSPT-QĐ ngày 26/10/2018) và cũng đã tổng đạt quyết định này cho ông Đ (biên bản làm việc ngày 26/10/2018). Đồng thời đã đến nơi thường trú của bị cáo D tại khu phố 3, thị trấn P1 và xã Đồi 61, huyện P1 để tổng đạt nhưng công an địa phương xác nhận bị cáo D không còn ở những nơi cư trú trên. Do đó, căn cứ Điều 351 BLTTHS 2015, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị cáo D theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Trong khoảng thời gian từ năm 2008 đến năm 2014, Trần Anh D giữ chức vụ Chi cục Chi cục Thi hành án dân sự huyện P đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chỉ đạo và trực tiếp thực hiện công tác thi hành án không đúng, cụ thể như: Trần Anh D đã chỉ đạo cho Kế toán và thủ quỹ lấy tiền thi hành án chi cho hoạt động của cơ quan đến khi bản án có hiệu lực pháp luật không còn tiền chi trả nên đã lấy khoản tiền thi hành án thu sau chi trả cho khoản tiền thu trước khi có quyết định thi hành án, gây thiệt hại cho lợi ích của nhà nước (chậm nộp ngân sách Nhà nước) trong thi hành án vụ án Nguyễn Q là 227.680.000 đồng; ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân (chậm hoàn trả tiền cho người được thi hành án) là ông Nguyễn Q với số tiền 110.611.850 đồng, gây thiệt hại cho việc chi trả chi nộp ngân sách và hoàn trả cho công dân tổng số 32 Quyết định thi hành án với tổng số tiền 191.628.992 đồng. Ngoài ra, trong quá trình thực nhiệm vụ bị cáo còn chỉ đạo cho nhân viên dưới quyền lấy tiền của các khoản thu tiền thi hành án của vụ thi hành án sau, chi trả cho các khoản tiền thi hành án đã thu trước làm chậm hoàn trả tiền cho người được thi hành án; chậm nộp ngân sách Nhà nước các khoản tiền thi hành án theo quy định; cố ý chỉ đạo làm trái nguyên tắc quản lý kế toán tài chính; buông lỏng trong quản lý điều hành, không kiểm tra giám sát và không chỉ đạo thủ quỹ, kế toán rà soát các vụ, việc đối chiếu theo sổ quỹ hàng tháng, quý, năm; không cân đối thu chi và cho các cá nhân ứng, mượn tiền sai quy định.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của Nhà nước, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, gây bất bình trong dư luận, ảnh hưởng xấu đến uy tín của tổ chức đảng, của Nhà nước. Bị cáo D và đồng phạm đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để làm trái nguyên tắc tài chính, kế toán gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước và gây thiệt hại cho quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Trong vụ án này, bị cáo D là thủ trưởng đơn vị và cũng là người trực tiếp thi hành án (Chấp hành viên), bị cáo đã chỉ đạo cho đồng phạm là Đào Huy C lấy tiền thi hành án chi cho hoạt động cơ quan, tạm ứng sai

nguyên tắc tài chính kế toán nên cần giành cho bị cáo mức án nghiêm để có thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung với loại tội phạm này.

Với hành vi phạm tội nêu trên, các bị cáo Trần Anh D và Đào Huy C bị tòa án cấp sơ thẩm xử phạt về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” với tình tiết định khung “phạm tội nhiều lần” theo quy định tại khoản điểm b khoản 2 Điều 281 BLHS 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Khi lượng hình, Tòa cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo Trần Anh D không có tình tiết tăng nặng, và có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58 BLHS 2015 để xử phạt bị cáo D 03 (ba) năm tù là phù hợp, đúng quy định pháp luật vì đây là mức án dưới khung quy định của điều luật (khoản 2 Điều 281 BLHS năm 1999 có mức án từ 05 năm -10 năm tù).

Tuy nhiên, trong vụ án này còn có bị cáo Đào Huy C, giữ chức vụ là kế toán trưởng của cơ quan thi hành án huyện P. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, bị cáo đã không làm đúng chức trách, nhiệm vụ được giao, đã vi phạm về công tác tài chính kế toán, bất chấp quy định của pháp luật, đã thực hiện theo sự chỉ đạo của bị cáo D, làm trái nguyên tắc tài chính kế toán, gây ra những thiệt hại nêu trên là có vai trò giúp sức tích cực của bị cáo C nhưng khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm lại xử phạt bị cáo Đào Huy C 02 năm 06 tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo là vi phạm, không đúng quy định, trái với Nghị Quyết của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao. Bởi lẽ theo điểm a khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 2 Nghị quyết 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của HĐTP TANDTC hướng dẫn Điều 60 BLHS 1999 và nay là khoản 1, khoản 5 Điều 3 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của HĐTP TANDTC hướng dẫn Điều 65 BLHS 2015 thì không cho hưởng án treo đối với người lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội. Tuy bị cáo C không có kháng cáo và vụ án không bị Viện kiểm sát kháng nghị, nhưng xét thấy bị cáo C là người giúp sức tích cực cho bị cáo D phạm tội trong một thời gian dài (từ năm 2008 đến năm 2014) và bị cáo C cũng là người có chức vụ, quyền hạn. Cấp sơ thẩm đã xem xét cho bị cáo C hưởng án treo đối với người phạm tội lợi dụng chức vụ quyền hạn để trục lợi, người phạm tội nhiều lần là trái với Nghị Quyết nêu trên. Do cấp sơ thẩm đã có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật. Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 358 BLTT 2015, cần thiết hủy bản án hình sự sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục chung. Do đó, kháng cáo của bị cáo D không đặt ra xem xét.

[5] Quan điểm của đại diện VKS tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 351; điểm c khoản 1 Điều 355; điểm đ khoản 2 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 44/2018/HSST ngày 28/6/2018 của TAND huyện P đã xét xử bị cáo Trần Anh D và đồng phạm về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện P để xét xử lại vụ án theo thủ tục chung.

Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện P (2);
- VKSND huyện P;
- Công an huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Phòng PV27 CA tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Lưu HS (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Hồng Hương